

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình
Hỗ trợ phát triển du lịch theo Đề án Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng,
giải trí trong rừng đặc dụng Khu bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên
đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22/11/2016; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018; Luật Kiến trúc ngày 13/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: Số 5126/QĐ-UBND ngày 30/11/2020 về việc phê duyệt Đề án Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng Khu bảo tồn thiên nhiên (BTTN) Xuân Liên đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030; số 2732/QĐ-UBND ngày 21/7/2021 về việc phê duyệt danh mục và phân bổ, giao kinh phí thực hiện các nhiệm vụ thực hiện Chương trình phát triển du lịch tỉnh Thanh Hóa năm 2021 (đợt 2);

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 7936/SXD-HĐXD ngày 20/8/2021; của Ban quản lý Khu BTTN Xuân Liên tại Tờ trình số 38/TTr-BTXL ngày 18/10/2021 (kèm theo Báo cáo kết quả thẩm tra số 732/TTKĐ-TVXD ngày 20/10/2021 của Trung tâm Kiểm định chất lượng xây dựng Thanh Hóa và hồ sơ liên quan).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo Kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Hỗ trợ phát triển du lịch theo Đề án Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng Khu BTTN Xuân Liên đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 với các nội dung chính như sau:

1. Tên công trình: Hỗ trợ phát triển du lịch theo Đề án Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng Khu BTTN Xuân Liên đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

2. Loại, cấp công trình: Công trình dân dụng, cấp III.
3. Chủ đầu tư: Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên.
4. Địa điểm xây dựng: Huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa.
5. Nhà thầu lập BC KTKT: Công ty TNHH Xây dựng Hồng Đức TH.
6. Nhà thầu thẩm tra thiết kế xây dựng: Trung tâm kiểm định chất lượng xây dựng Thanh Hóa.

7. Mục tiêu đầu tư: Bảo tồn, phát huy các giá trị cảnh quan thiên nhiên; khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế về đa dạng sinh học, danh lam thắng cảnh, tín ngưỡng gắn với bản sắc văn hóa các dân tộc; tạo việc làm, tăng thu nhập, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho Nhân dân địa phương và thu hút, kêu gọi đầu tư phát triển Khu BTTN Xuân Liên.

8. Nội dung và quy mô đầu tư:

8.1. *Hạng mục*: Xây dựng Sa bàn mô phỏng các tuyến, điểm du lịch; khu trưng bày bán hàng lưu niệm kết hợp quầy thông tin du lịch tại khu trung tâm đón tiếp du khách.

8.1.1. *Xây dựng sa bàn tỷ lệ 1/10.000*: Kích thước sa bàn 4,0mx3,0m; phần đế Sa bàn sử dụng gỗ công nghiệp chống ẩm dán tấm PVC vân đá, chân có sử dụng bánh xe D120mm. Phía trên sử dụng kính cường lực dày 8mm chụp toàn bộ sa bàn. Sử dụng đèn led bố trí đường viền bao quanh sa bàn, sông ngòi, công trình, cây xanh và các tuyến, điểm du lịch.

8.1.2. *Cải tạo khu trưng bày bán hàng lưu niệm kết hợp quầy thông tin du lịch tại khu trung tâm đón tiếp du khách*

a) Hiện trạng công trình

Công trình có quy mô 2 tầng, mặt bằng hình chữ nhật kích thước 12,0mx18,0m. Chiều cao tầng 1 là 4,0m; chiều cao tầng 2 là 3,6m; mái lợp ngói cao 2,3m. Tổng chiều cao công trình từ cos +0.00 đến đỉnh mái là 9,9m. Cốt nền so với cốt sân hoàn thiện là 0,45m. Hiện tại lớp sơn tường nhà ẩm mốc, bong tróc. Nhà vệ sinh xuống cấp, gạch ốp tường bong tróc.

b) Nội dung cải tạo

- Cạo bỏ lớp sơn cũ đã bong tróc, sơn lại toàn bộ nhà; sơn giả gỗ cột, dầm trong nhà.

- Dỡ bỏ gạch lát nền phòng vệ sinh và phòng nhân viên hiện trạng, lát mới lại bằng gạch đỏ prime đồng bộ với gạch nền nhà hiện trạng.

- Phá bỏ và xây mới một số vị trí tường tầng 1.

- Tháo dỡ lan can sắt xung quanh tầng 1 công trình thay thế bằng thanh lam bọc Alumi.

- Chuyển cửa nhà vệ sinh nam sát vào trục E-6. Khu vệ sinh nam, nữ dỡ bỏ toàn bộ gạch lát nền hiện trạng thay thế bằng gạch chống trơn kích thước 300mmx300mm; ốp tường WC bằng gạch men 300mmx600mm cao 2,5m. Thay mới toàn bộ thiết bị khu vệ sinh.

- Bỏ sung trần thạch cao tầng 1 trực (4-5)(B-E).
- Bỏ sung hệ thống mái che hiên trước nhà vị trí trực (A-B)(1-4), sử dụng hệ kết cấu bằng thép hộp sơn tĩnh điện; kết cấu thép được liên kết vào kết cấu nhà cũ bằng khoan cấy bulong và treo bằng thanh cáp D14 bọc nhựa.
- Lắp đặt 02 điều hòa cây 30.000 BTU tại tầng 2; bỏ sung hệ thống trần nhựa cho trần tầng 2.
- Thay mới hệ thống điện tầng 1; dây cáp CU/PVC 2x10mm²; dây dẫn trong phòng dùng dây CU/PVC 2x1.5mm² và 2x2,5mm².

8.2. *Hạng mục:* Điểm checkin cây di sản Việt Nam tại Khu BTTN Xuân Liên

Công trình có quy mô 1 tầng, mặt bằng hình nhật kích thước 3,0mx9,685m; chiều cao công trình từ (2,0m đến 2,15m). Kết cấu cột, dầm, sàn, thang bằng tổ hợp thép CT3 liên kết với nhau bằng bu lông và đường hàn. Phần sàn sử dụng tấm polycarbonate dày 5mm; lan can xung quanh bằng thép hộp cao 1,0m. Khung ghi chú cây di sản Việt Nam sử dụng hệ kết cấu bằng thép hộp, chữ inox. Toàn bộ hệ kết cấu được sơn tĩnh điện giả gỗ.

8.3. *Hạng mục:* Hệ thống bảng chỉ dẫn, biển báo trên tuyến du lịch khám phá rừng nguyên sinh bản Vịn, Khu BTTN Xuân Liên.

- Biển chỉ dẫn: 10 biển được làm bằng kết cấu thép sơn tĩnh điện giả gỗ cao 3,0m. Công trình sử dụng bằng hệ kết cấu tổ hợp thép hộp, liên kết với nhau bằng bu lông và đường hàn; phần biển kích thước 1,2mx0,8m bằng tôn dày 1,5mm dán decal màu đỏ.

- Biển quảng cáo: 01 biển được làm bằng kết cấu thép sơn tĩnh điện giả gỗ cao 6,0m. Công trình sử dụng bằng hệ kết cấu tổ hợp thép hộp, liên kết với nhau bằng bu lông và đường hàn; phần biển kích thước 4,1mx2,9m được hàn thành khung bởi các thanh inox để căng bạt quảng cáo.

8.4. *Hạng mục:* Nhà vệ sinh đạt chuẩn tại Bến thuyền Cửa Đạt (áp dụng mẫu VSCC:02).

Áp dụng thiết kế mẫu nhà vệ sinh số 02 (VSCC:02) xây dựng tại khu du lịch sinh thái cộng đồng miền núi được Chủ tịch UBND tỉnh ban hành tại Quyết định số 3043/QĐ-UBND ngày 29/7/2019 về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công các mẫu Nhà vệ sinh đạt chuẩn phục vụ khách du lịch trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá; trang thiết bị nhà vệ sinh áp dụng theo quy định tạm thời về tiêu chuẩn nhà vệ sinh công cộng phục vụ khách du lịch được Tổng cục Du lịch phê duyệt Quyết định số 225/QĐ-TCDL ngày 08/5/2018.

a) Giải pháp kiến trúc

- Công trình có quy mô 01 tầng; diện tích xây dựng 53,5m²; diện tích sàn 51,0m²; chiều cao công trình là 5,25m (tính từ cos sân hoàn thiện đến cos đỉnh mái), trong đó: Chiều cao tính từ nền nhà đến sàn mái cao 3,0m; mái cao 2,1m; cos nền nhà cao hơn cos sân 0,15m.

- Mặt bằng công trình hình chữ nhật có kích thước 4,5mx7,2m, bố trí 01 phòng vệ sinh nam, 01 phòng vệ sinh nữ và 01 phòng vệ sinh dành cho người khuyết tật.

- Nền nhà lát gạch chống trơn kích thước 300mmx300mm. Tường xây gạch không nung vữa xi măng mác 50; trát tường, dầm, trần vữa xi măng mác 75. Tường ngoài nhà lăn sơn trực tiếp. Tường trong nhà ốp gạch ceramic kích thước 300mmx600mm cao 2,4m. Vách ngăn khu xí, tiểu sử dụng vách ngăn chịu nước compact.

- Sàn mái đổ bê tông cốt thép tại chỗ, xây tường thu hồi, dựng xà gồ thép hộp mạ kẽm kích thước 30mmx60mm, li tô thép hộp 25x15x1,5mm lợp ngói.

- Hệ thống cửa đi, cửa sổ sử dụng cửa nhôm hệ, panô kính an toàn dày 6,38mm.

b) Giải pháp kết cấu

- Kết cấu móng sử dụng giải pháp móng xây đá hộc vữa xi măng mác 75, đáy móng giả định đặt sâu 1,2m so với cos nền nhà (chiều sâu móng được xác định trực tiếp trong quá trình thi công). Giằng móng bê tông cốt thép, đá 1x2 mác 200, tiết diện 220x300mm. Lót móng đá 4x6 mác 100 dày 100mm.

- Kết cấu phần thân sử dụng kết cấu tường xây gạch chịu lực. Hệ dầm, sàn bê tông cốt thép, đá 1x2cm mác 200, tiết diện dầm điển hình 220mmx300mm; sàn bê tông cốt thép dày 100mm, 120mm.

c) Giải pháp cấp điện

Hệ thống điện lấy từ nguồn cấp điện trong khu vực đến công trình, sử dụng dây dẫn cấp điện CU/XLPE/DSTA/PVC (2x2,5)mm². Tủ tụ điện tổng cấp đến công tắc, thiết bị sử dụng dây dẫn Cu/PVC (2x1,5)mm². Hệ thống dây dẫn điện đi ngầm trong tường, trần và luồn trong ống gen bảo vệ. Chiếu sáng cho công trình sử dụng bóng đèn led tròn ốp trần.

d) Giải pháp cấp thoát nước

- Cấp nước cho công trình được lấy từ điểm đầu nối cấp nước trong khu vực, sử dụng bơm nước lên téc nước đặt trên mái và cấp xuống thiết bị dùng nước tại các khu vệ sinh bằng ống PPR.

- Thoát nước thải từ xí, tiểu được thu vào hệ thống đường ống riêng qua bể tự hoại xử lý và thoát ra rãnh thoát nước chung. Nước thải từ phễu sàn, lavabo được thu vào đường ống và thải trực tiếp ra rãnh thoát nước bên ngoài. Ống thoát nước sử dụng ống nhựa U.PVC. Nước mưa trên mái được thu về sênô xung quanh mái, vào các ống đứng thoát nước U.PVC và thải ra rãnh thoát nước bên ngoài.

9. Giá trị dự toán: 2.249.751.000 đồng (*Bằng chữ: Hai tỷ, hai trăm bốn mươi chín triệu, bảy trăm năm mươi một nghìn đồng*)

Trong đó:

- Chi phí xây dựng	:	1.399.852.000 đồng.
- Chi phí thiết bị	:	580.635.000 đồng.
- Chi phí quản lý dự án	:	62.043.256 đồng.

- Chi phí tư vấn ĐTXDCT : 156.725.989 đồng.
- Chi phí khác : 39.302.169 đồng.
- Chi phí dự phòng : 11.192.792 đồng.

Chi tiết có Phụ biểu đính kèm)

10. Nguồn vốn: : Từ nguồn sự nghiệp kinh tế (thực hiện Chương trình phát triển du lịch tỉnh Thanh Hóa chưa phân bổ) trong dự toán ngân sách tỉnh năm 2021 đã giao tại Quyết định số 2732/QĐ-UBND ngày 21/7/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh.

11. Các bước thiết kế: Thiết kế 01 bước.

12. Hình thức quản lý dự án: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực (theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ).

13. Thời gian thực hiện: Năm 2021.

14. Các nội dung khác: Theo nội dung thẩm định của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 7936/SXD-HĐXD ngày 20/8/2021

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1, Quyết định này, các đơn vị sau đây có trách nhiệm:

1. Ban Quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên căn cứ nội dung phê duyệt tại Điều 1, Quyết định này tổ chức thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật về đầu tư, đấu thầu, xây dựng; sử dụng vốn đầu tư hiệu quả; đảm bảo không gây nợ đọng trong xây dựng cơ bản và thanh quyết toán vốn đầu tư theo đúng quy định.

2. Các sở: Xây dựng, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và PTNT và đơn vị có liên quan theo chức năng nhiệm vụ được giao theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc Ban Quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Xây dựng, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Thường Xuân; Giám đốc Ban Quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên; Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các đơn vị có liên quan;
- Lưu: VT, NN.

(MC109.11.21)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Thi

Phụ biểu: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
Dự án: Hỗ trợ phát triển du lịch theo Đề án Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng
Khu BTTN Xuân Liên đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Cách tính	Thành tiền		
				Trước VAT	Thuế VAT	Sau VAT
I	CHI PHÍ XÂY DỰNG	Gxd		1.272.592.727	127.259.273	1.399.852.000
1	Sa bàn mô phỏng các tuyến, điểm du lịch khu BTTN Xuân Liên		Theo bảng tổng hợp kinh phí	53.524.545	5.352.455	58.877.000
2	Khu trưng bày bán hàng lưu niệm kết hợp quầy thông tin du lịch trai trung tâm đón tiếp du khách khu BTTN Xuân Liên		nt	597.002.727	59.700.273	656.703.000
3	Điểm checkin cây di sản Việt Nam - Khu BTTN Xuân Liên		nt	184.083.636	18.408.364	202.492.000
4	Hệ thống bảng chỉ dẫn, biển báo trên tuyến du lịch khám phá rừng nguyên sinh Bản Vịn - Khu BTTN Xuân Liên		nt	84.500.909	8.450.091	92.951.000
5	Nhà vệ sinh đạt chuẩn tại bến thuyền Cửa Đạt - Khu BTTN Xuân Liên (thiết kế mẫu)	Gxd1	nt	353.480.909	35.348.091	388.829.000
II	CHI PHÍ THIẾT BỊ	Gtb	Theo Chứng thư thẩm định giá số 338/2021/TĐG-TL ngày 01/10/2021 của công ty TNHH kiểm toán Thăng Long	527.850.000	52.785.000	580.635.000
III	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN		$(G_{XD}^{trước\ VAT} + G_{TB}^{trước\ VAT}) \times 3,446\%$	62.043.256		62.043.256
IV	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG	Gtv		142.478.172	14.247.817	156.725.989
1	Chi phí khảo sát		Tạm tính theo dự toán thiết kế	18.035.531	1.803.553	19.839.084
2	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát xây dựng		nt	541.066	54.107	595.173
3	Chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật		$(G_{XD}^{trước\ VAT} - G_{xd1}) \times 6,500\%$	59.742.268	5.974.227	65.716.495
4	Chi phí thẩm tra thiết kế		$G_{XD}^{trước\ VAT} \times 0,258\%$	3.283.289	328.329	3.611.618
5	Chi phí thẩm tra dự toán		$G_{XD}^{trước\ VAT} \times 0,250\%$	3.181.482	318.148	3.499.630

TT	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Cách tính	Thành tiền		
				Trước VAT	Thuế VAT	Sau VAT
6	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT thi công xây dựng		$G_{XD}^{\text{trước VAT}} \times 0,432\%$	5.497.601	549.760	6.047.361
7	Chi phí lập HSMT và đánh giá HSDT mua sắm vật tư, thiết bị		$G_{TB}^{\text{trước VAT}} \times 0,367\%$	1.937.210	193.721	2.130.930
8	Chi phí giám sát thi công xây lắp		$G_{XD}^{\text{trước VAT}} \times 3,285\%$	41.804.671	4.180.467	45.985.138
9	Chi phí giám sát thi công thiết bị		$G_{TB}^{\text{trước VAT}} \times 0,844\%$	4.455.054	445.505	4.900.559
10	Chi phí thẩm định: HSMT, kết quả lựa chọn nhà thầu xây lắp		Mức tối thiểu	2.000.000	200.000	2.200.000
11	Chi phí thẩm định: HSMT, kết quả lựa chọn nhà thầu mua sắm vật tư, thiết bị		Mức tối thiểu	2.000.000	200.000	2.200.000
V	CHI PHÍ KHÁC	Gk		31.328.664	2.473.505	39.302.169
1	Chi phí kiểm tra của cơ quan QLNN		$G_{GSXD}^{\text{trước VAT}} \times 10\%$	4.180.467	418.047	4.598.514
2	Lệ phí thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật		$TMĐT \times 0,019\% \times 50\%$	213.726		213.726
3	Chi phí bảo hiểm công trình		$G_{XD}^{\text{trước VAT}} \times 0,080\%$	1.018.074	101.807	1.119.882
4	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán		$(TMĐT-Gdp) \times 0,570\% \times 50\%$	6.379.890		6.379.890
5	Chi phí kiểm toán độc lập		$(TMĐT-Gdp) \times 0,960\%$	19.536.506	1.953.651	21.490.157
6	Chi phí thẩm định giá		Theo Hướng dẫn số 482/2021/HĐKT-TL ngày 27/9/2021			5.500.000
VI	CHI PHÍ DỰ PHÒNG	G_{DP}				11.192.792
1	Chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh		$(I+II+III+IV+V) \times 0,5\%$			11.192.792
	TỔNG CỘNG					2.249.751.206
	LÀM TRÒN					2.249.751.000